

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 7 (Phân Cuối)

Lại nữa, phải quán từ vô lượng kiếp đến nay thường y cứ vào danh sắc và dùng tưởng, hành mà chấp ngã nhân, hoặc chấp kia do ta tạo tác, bỗng nghe khen chê, cho rằng khen chê ta, đi đứng nằm ngồi tất cả sự vật đều chấp Ngã, như keo bôi vào tay hễ cầm cái gì thì dính cái đó. Kinh dạy: Nếu phàm phu lìa tâm Ngã thì không có việc ấy, nếu không may gặp nghèo khổ thì mất bốn tâm, cũng chấp ngã không dứt, nếu được giàu sang phú quý thì buông lung cậy thế lực, tàn ác độc hại khắp thiên hạ, giận dữ nộ nạt càng tăng thêm oán hại, uổng công vô ích, các nghiệp sinh khởi đều do Ngã làm ra, có ai thay thế được, cầm lửa ngược gió đâu không cháy tây ư? Như người kia ban đêm ở trong phòng nói có quỷ, trời sáng thấy rõ mới biết vốn là người cũ. Lại nữa, người không có trí nên chấp nói có ngã, dùng tuệ quán sát thật không có ngã, ngã ở chỗ nào! Đầu chân từng chi tiết mỗi mỗi quán kỹ, hoàn toàn không thấy ngã, chỗ nào có nhân và chúng sinh? Cơ quan nghiệp lực giả thành nhóm không, từ các duyên sinh nên không có chủ thể, như ngủ qua đêm trong miếu hoang thấy có hai con quỷ tranh nhau thây chết, quán như thế thì Ngã đảo liên dứt. Nếu tu bốn quán phá bốn điên đảo, dứt tâm uất ức sinh khởi sợ hãi, như kẻ thù đuổi, như làm kẻ phản quốc, như đi vào đường nguy hiểm, niệm niệm luôn sợ hãi, chỉ cầu mong thoát khỏi đường hiểm, như nai nghe tiếng người thợ săn thì bỗng nhiên sợ hãi bỏ chạy, dù có gặp cỏ nước cũng không dám dừng lại ăn uống, chỉ mong thoát khỏi, hàng Thanh văn cũng giống như vậy. Nếu nai hiểu rõ phạm vi vây bắt nhỏ mà được thoát nạn, vừa chạy vừa ngoái lại nhìn, thương xót cho tiếng kêu của đàn, tuy có lần lửa lại biết đâu có ích gì, chỉ biết nuốt hơi ngậm tiếng xót thương tiến tới trước, hàng Duyên giác cũng giống như vậy; tự mình thoát khỏi sinh tử, thương tưởng để chúng sinh, tuy thương xót mà không thể cứu giúp được. Nếu con voi đầu đàn tuy nghe bị bao vây, nhưng không thể nở bỏ đi một mình, biết mình đủ sức

mạnh có thể ngăn cản đao tên, bảo vệ các con khiến chúng được an ổn, giúp chúng khỏi bị tổn thương, hàng Bồ-tát cũng giống như vậy, quán rõ các pháp vô thường, vô ngã, tâm tha thiết lo sợ như dẫm đạp trên nước lửa, lại khởi từ bi như mẹ nhớ con, do chúng sinh mê mờ không biết sự khổ thiêu đốt, nay ta làm sao gỡ bỏ chúng sinh mà đi một mình được, an nhẫn trong sinh tử, dùng trí phương tiện giáo hóa thuần thực, tạo tác nhân duyên được độ, đối với công đức Pháp thân tuệ mạng của mình xoay vần thêm lớn, người có duyên căn cơ thuần thực liền ngồi đạo tràng thành Phật, cùng chúng sinh vượt khỏi ba cõi, như con voi đầu đàn kia cùng đồng loại được an ổn. Nếu con voi nhỏ tuy giữ gìn đao tên nhưng cũng bị trúng đao tên, nên mình và đồng loại không ích gì. Bồ-tát sơ tâm muốn vào sinh tử nhưng khi xúc chạm sinh tử liền bị lui sục gốc lành Pháp thân bị phá hoại, tuy nhiên phát tâm đại bi công đức đáng khen ngợi, cho nên Bồ-tát tuy sợ sinh tử nhưng thường cầu gốc lành, gánh vác chúng sinh, không đồng với hàng Nhị thừa, tuy trụ trong sinh tử mà chẳng tham năm dục, chỉ vì muốn cứu giúp chúng sinh, không đồng với phàm phu. Kinh chép: Không trụ điều phục, không trụ bất điều phục, tuy biết vô ngã mà dạy người không mệt mỏi, tuy biết Niết-bàn mà không tịch diệt hẳn, tuy biết bất tịnh mà không nhàm chán xa lìa, tức là nghĩa này. Phần nhiều tu sáu Độ, công đức gốc lành dưỡng như dê thân béo phì, siêng năng quán vô thường thì các nghiệp ác hoại diệt, thường bị chó sói sợ hãi, như dê không có mỡ, đó gọi là tu sự tướng Bát-nhã. Tự hành và giáo hóa chúng sinh, khen ngợi pháp, khen ngợi xưng danh các Đức Phật mười phương được Phật chứng minh cứu giúp, các Đức Phật che chở, xa lìa chướng nạn, được giải thoát, tương ứng với bốn thứ mười tuệ, đó gọi là dầu sự giúp Đạo thêm sáng, v.v... Nếu hoàn toàn không có lý quán, lại không có sự sám hối, thường trông mong Phật ấn chứng, hy vọng lợi ích mưu toan danh vọng, nếu Phật ấn chứng thì không có việc đó. Nếu lý quán không xen hở, nhờ sự phá bỏ điều xấu xa, tâm chân thật sám hối, được Phật ấn chứng thì có việc đó, sở dĩ cần sự giúp đạo là như hai muôn ức Phật buộc chân, giữa chừng quên Đại thừa thì không dùng Đại mà hóa độ, lại sáu trăm kiếp dùng tiểu mà phát khởi, khiến họ sợ hãi sinh tử, dần hướng về nhà cha, cho nên biết phải nhờ Tiểu giúp Đại. Lại ban đầu Đức Phật muốn Đại giáo hóa, các Đức Phật không ấn chứng, nếu tư duy phương tiện liền khen ngợi lành thay! Như nhà giàu có con bệnh nên dùng thang hoàng long, cha mẹ đâu tiếc mua thuốc tốt cho con, chỉ mong con mạnh khỏe mà thôi, uống rồi lành bệnh. Đức Phật có bốn nguyện khiến chúng như ta, đâu tiếc Đại

thừa, việc không đạt được đã phù hợp với căn cơ đối trị, giúp đạo mở cửa, nghĩa cũng như vậy.

Hỏi: Không tu trợ đạo thì Tam-muội không thành, sáu Độ thù thắng hơn đạo phẩm ư? Đáp: Đây có ba câu sáu Độ phá đạo phẩm, đạo phẩm phá sáu Độ, sáu Độ tu đạo phẩm, đạo phẩm tu sáu Độ, sáu Độ tức đạo phẩm, đạo phẩm tức sáu Độ. Như trên đạo phẩm không khế hợp chân, nếu tu sáu Độ thì có thể phá tế, đâu chẳng phải sáu Độ phá đạo phẩm, có khi sáu Độ không thể đến bờ bên kia. Nếu tu đạo phẩm thì được ngộ nhập, đó gọi là đạo phẩm phá sáu Độ, nếu tu sáu Độ trước hết phá sáu tế, tiến tu đạo phẩm nhậm vận có thể thành, đó gọi là sáu Độ tu đạo phẩm, như trên đã nói, tức là đạo phẩm tu sáu Độ, sáu Độ đạo phẩm là tương tức. Đàn tức Ma-ha-diễn, bốn Niệm xứ cũng tức là Ma-ha-diễn, đàn dùng đạo phẩm không hai không khác, không thật có, nói chung các pháp đối với hành không lợi ích, có tương phá lẫn nhau, đối với hành có lợi ích có tương tu lẫn nhau, y cứ vào lý có tương tức lẫn nhau, như nhân duyên Tứ đế hữu vô phi hữu vô, rộng trải qua tất cả pháp đều có ba phen, nếu hiểu được ý này thì tự tại giảng nói, v.v... Tại sao sáu Độ thâm nhiếp điều phục nghĩa các căn? Nếu sáu căn không thọ nhận sáu trần thì hợp với các đạo phẩm, xả trừ giác phần tức là đàn độ điều phục các căn. Sáu căn không bị sáu trần làm tổn thương, tức hợp chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng của đạo phẩm, tức là giới độ điều phục các căn. Sáu trần trái tình an nhĩn bất động, tức hợp với bốn thứ niệm trong đạo phẩm, đó gọi là nhĩn độ, điều phục các căn. Giữ gìn căn trần, thường không biếng nhác thì hợp với tám thứ tinh tấn đạo phẩm, đó gọi là tiến độ điều phục các căn, định tâm bất loạn không bị sáu trần làm mê hoặc thì hợp tám thứ định trong đạo phẩm, đó gọi là Thiên độ điều phục các căn; biết sáu trần vô thường khổ, không, vắng lặng thì hợp với mười thứ tuệ trong đạo phẩm, đó gọi là trí độ điều phục các căn, đây chính là Tam tạng điều phục các căn, đầy đủ sáu Độ. Lại nữa, biết nhĩn không, chẳng thọ nhĩn, sắc không, chẳng thọ sắc, vì căn trần không, nên gọi là thường xả hành, cho đến ý không chẳng thọ ý, pháp không, chẳng thọ pháp, gọi là thường xả hành, tức hợp với trừ xả giác phần trong đạo phẩm, đó gọi là đàn độ điều phục các căn. Sắc không nên chẳng thể tổn thương nhĩn không, nhĩn không không thể tổn thương sắc không, cho đến pháp không, chẳng đắc ý tiện, ý không, chẳng đắc pháp tiện, tức hợp với chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng trong đạo phẩm, đó gọi là thi độ điều phục các căn. Lại vì nhĩn sắc không thì không trái, không thuận, không nhĩn, bất nhĩn, cho

đến ý pháp đều không, không trái, không thuận, không nhẫn, bất nhẫn, thì hợp với bốn thứ niệm, đó gọi là nhẫn độ điều phục các căn. Nhãn sắc thường không, không gì chẳng không, Tập này lẽ ra tương ứng với Bát-nhã, cho đến ý pháp thường không, không gì chẳng không, đó gọi là tương ứng với Bát-nhã tức hợp với tám thứ tinh tấn trong đạo phẩm, đó gọi là tiến độ điều phục các căn. Nhãn sắc không cho nên không loạn, không vị, cho đến ý pháp không, cho nên không loạn không vị, tức hợp với các định trong đạo phẩm, đó gọi là trí độ điều phục các căn. Nhãn sắc không cho nên không ngu, không trí, cho đến ý pháp không, cho nên không ngu không trí, tức hợp với mười thứ trí trong đạo phẩm, đó gọi là trí độ điều phục các căn. Đây là Thông giáo điều phục các căn, đầy đủ sáu Độ. Nếu nhãn sắc đầy đủ mười pháp giới, mười pháp giới mỗi pháp giới đều có quả báo hơn kém khác nhau, mỗi pháp giới tu nhân sâu cạn có khác, nhân quả cùng tận, không thể cùng tận, dứt bỏ vô vi, phân biệt pháp tướng, không hề ái trước, cho đến ý pháp đủ mười pháp giới phân biệt không chấp trước, tức hợp với trừ xả phần giác trong đạo phẩm, đó gọi là đàn độ điều phục các căn. Phân biệt nhãn sắc cho đến ý pháp vô lượng tướng mạo, không hề sai lầm căn cơ, làm tổn thương gốc lành của người khác, tự mình cũng không bị vô lượng căn trần làm tổn thương, thì hợp với chánh mạng, chánh nghiệp trong đạo phẩm, đó gọi là giới độ điều phục các căn. Lại đối với mười giới căn trần, hoặc trái, hoặc thuận, tâm kia bất động, an trụ giả trung, năng nhẫn thành đạo sự, tức hợp với các niệm trong đạo phẩm, đó gọi là nhẫn độ điều phục các căn. Lại phân biệt tất cả căn trần, hoặc khởi nạn tâm, khổ tâm, cũng không nửa chừng lui sụt, đối với sinh tử có sức mạnh, tức hợp với tinh tấn trong đạo phẩm, đó gọi là tiến độ điều phục các căn. Lại phân biệt tất cả căn trần tâm không hoại đoạn, không động không tà vạy, tức hợp với các định trong đạo phẩm, đó gọi là Thiên độ điều phục các căn. Lại phân biệt tất cả căn trần, đạo chủng trí lực, trao thuốc thích hợp, phương tiện khéo léo cũng không đắm nhiễm, tức hợp với các tuệ trong đạo phẩm, đó gọi là trí độ điều phục các căn, đây là Biệt giáo điều phục các căn, đầy đủ sáu Độ.

Lại nữa, Nếu như Kinh Ương-quật-ma-la chép: Cái gọi là nhãn căn kia đối với các Đức Như Lai là thường, tu đầy đủ không giảm bớt, phân biệt thấy rõ ràng, đó là nhãn căn của chín pháp giới. Đối với Như Lai là thường, chín cõi tự cho rằng mỗi mỗi đều chẳng phải chân, Như Lai quán sát tức là Phật pháp giới, không hai không khác. Không giảm tu là quán các nhãn tức Phật nhãn, một tâm ba đế viên nhân cụ túc không

có thiếu sót giảm bớt. Phân biệt thấy rõ ràng là chiếu soi thật rõ ràng, chiếu quyền là rõ ràng, trong ba trí một tâm năm căn đầy đủ viên chiếu, gọi là hoàn toàn thấy Phật tánh, kiến luận viên chứng tu luận viên nhân. Lại tu đầy đủ, là quán sát nhãn căn xả lậu hai bên gọi là Đản, nhãn căn không bị hai bên làm tổn thương gọi là Thi, nhãn căn vắng lặng không bị hai bên làm loạn động gọi là Thi-la, nhãn căn và thức tự nhiên chảy vào biển Tát-bà-nhã, gọi là Tinh tấn, quán thật tánh của nhãn căn gọi là Thượng định, dùng nhất thiết chủng trí chiếu nhãn Trung đạo gọi là Trí tuệ, đó là nhãn căn cụ túc không giảm tu, vì không giảm cho nên rõ ràng phân minh thấy nhãn pháp giới, cho đến ý căn kia đối với các Đức Như Lai thường đầy đủ không giảm tu, hiểu biết rõ ràng, đối với mỗi căn tức không, tức giả, tức trung, ba quán một tâm gọi là vô giảm tu, chứng Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn, được trong một tâm, gọi là thấy rõ ràng, đều nói như trên. Căn đã như thế, trần cũng như thế, tất cả các pháp cũng giống như thế, đó gọi là Viên giáo điều phục các căn đầy đủ sáu Độ, đây là rốt ráo điều phục, rốt ráo mãn túc, như vậy trợ đạo, trợ cứu cánh đạo, nên biết sáu Độ trùm khắp có thể điều phục tất cả các căn. Đại phẩm chép: Người bố thí, người thọ nhận tài vật không thật có cụ túc Đản ba-la-mật, quên ba việc không chấp trước, chánh ngay nơi đản thể, nên gọi cụ túc là thực hành, tài thí, pháp thí gọi là đản cụ túc, sự lý cả hai đầy đủ, tự tha đều lợi ích, cho nên gọi cụ túc. Sự thì phá pháp san kia nên có thể xả tài, lý thì phá tâm san kia nên có thể xả pháp, hai phá hai xả thể dụng đầy đủ, gọi là Đản ba-la-mật. Vì sai sáu Độ thuộc về oai nghi Phật? Phật dùng mười Lực, Vô úy, Bất cộng pháp v.v... làm oai nghi, trong một tâm tu bốn đạo phẩm gọi là tu oai nghi Phật, chứng Phật nhãn, Phật trí gọi là đắc oai nghi Phật. Nay y theo lời nói, căn cứ vào đạo phẩm nói thuộc về mười Lực, nếu bốn thứ đạo phẩm tức là bốn thứ Tứ đế trí quyết định nhân quả, biệt tập sinh diệt quyết định chịu khổ trong ba cõi, chắc chắn có việc này, tập sinh diệt nếu đến Niết-bàn vô dư thì không có việc ấy, nếu đạo sinh diệt có thể hết khổ, nhập Niết-bàn, thì có việc ấy, nếu đạo sinh diệt đến ba cõi thì không có việc ấy, cho đến tập của vô tác thông đến biến dịch, thì có việc ấy, nếu thông đến Niết-bàn vô thượng thì không có việc đó, nếu đạo vô tác diệt, thông đến nhất thiết chủng trí thì có việc ấy, nếu thông đến Nhị thừa thì không có việc ấy. Bốn nhân quả ấy ở trong một tâm biết quyết đoán rõ ràng, gọi là xứ phi xứ lực, cho nên Đức Như Lai ở trong Phật pháp làm Sư tử hống (tiếng rống Sư tử), chỉ ở trong pháp ta có bốn quả sa-môn, tức là nghĩa này. Nghiệp báo trí lực, biết bốn thứ tập là biết nghiệp, biết khổ

là biết báo, đạo diệt cũng như vậy, phân biệt bốn thứ nghiệp báo sâu cạn không lầm lẫn, là hai lực này. Biết năng lực thiên định, là tám định trong bốn thứ đạo đế, phân biệt sâu cạn, chiếu rõ không khác nhau, đó là ba lực. Biết căn dục tánh lực, là biết quá khứ khổ tập khác nhau gọi là căn lực, biết hiện tại khổ tập lạc dục khác nhau gọi là dục lực, biết khổ tập vị lai được mất khác nhau gọi là tánh lực đó là bốn, năm, sáu lực. Biết đến chỗ đạo lực, là nơi đến của Bốn đạo đế, đó là bảy lực. Biết túc mạng thiên nhân, là chiếu quá khứ một đời, nhiều đời, chủng tánh xấu tốt, tuổi thọ ngắn dài, gọi là Túc mạng lực, chiếu chỗ sinh ra xấu tốt của đời vị lai gọi là Thiên nhân lực, đó gọi là tám, chín lực. Lậu tận lực, là bốn thứ diệt đế sở chứng vô lậu tâm tuệ v.v... là giải thoát. Một pháp môn mà có bốn thứ, như lời nói bí mật của vua thì vị quan có trí mới hiểu ý. Phật nói mười Lực chung cho bốn căn cơ, không để cho kẻ tiểu hủy báng đại, làm tổn hại công đức kia, không để đại chúng đắc hơn tiểu ức chế gốc lành kia, tất cả đều nghe, đều đạt được lợi ích, không mưu cầu quyền xảo nên gọi là Năng Nhân. Bồ-tát là vị quan có trí hiểu sâu mật ngữ, biết ý ở Tam tạng liền hỏi về sinh diệt, trình trọng hỏi han giúp người có duyên mau ngộ, cho đến biết ý tại viên, hoặc tụng vô tác, hoặc hỏi vô tác, khiến kia được hiểu, một âm đặc biệt xướng lên muôn người nghe đều vui, khẩu mật vô biên, nghĩa không cùng tận. Chỉ có bốn giải thích đâu đủ để nghi ngờ ư?

Hỏi: Mười Lực là oai nghi của Phật, hàng Sơ tâm làm sao học được, làm sao đắc được? Đáp: Đại luận chép: Bồ-tát thực hành Bát-nhã, mười Lực, Vô úy không nên trụ, nếu Phật đối với Phật pháp không có lỗi lầm vậy thì nên trụ. Nếu Bồ-tát không có Phật pháp thì làm sao nói về Trụ? Giải thích rằng: Bồ-tát tu công đức Phật, nhiều đời chấp nặng, vì phá tâm nặng này cho nên nói không nên trụ. lại Bồ-tát phần đắc mười Lực, Vô úy, do chưa rốt ráo cho nên không trụ. Nếu vậy, trước tuy tu mà chưa đắc, sau nói nhập địa vị đâu có liên quan đến hàng Sơ tâm, nếu theo phẩm Thập Trụ Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Bồ-tát nhân sơ phát tâm đắc mười Lực phần. Thiên tử Chánh niệm hỏi Pháp Tuệ rằng: Đại sĩ sơ tâm tu mười Lực phương tiện, làm sao biết nhà, chẳng phải nhà mà xuất gia học đạo, thế nào là phương tiện tu tập phạm hạnh đủ thập trụ đạo mau thành Bồ-đề? Đáp: Bồ-tát trước hết phải phân biệt mười thứ pháp, nghĩa là ba nghiệp và Phật, Pháp, Tăng, giới, nếu thân là phạm hạnh, phạm hạnh hỗn trước tám vạn hộ trùng, nếu thân nghiệp là phạm hạnh thì bốn oai nghi nhìn, ngó, cất bước, hạ bước, nếu miệng là phạm hạnh thì âm thanh xúc chạm tâm, môi răng lưỡi đều động, nếu

khẩu nghiệp là phạm hạnh thì đó là ngữ ngôn, cho đến giới là phạm hạnh, giới tràng, mười chúng vấn thanh tịnh, giới sư bạch tứ yết-ma thế phát khát thực v.v... đều là phi phạm hạnh. Phạm hạnh ở đâu? Ai có phạm hạnh? Ba đời bình đẳng giống như hư không, đó gọi là phương tiện. Lại thêm tu tập tăng thượng mười pháp, đó là mười Lực sâu xa vô lượng. Quán như vậy thì mau đắc tất cả công đức của các Đức Phật, lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác, biết tánh chân thật của tất cả Pháp thân đầy đủ trí tuệ, không phải do người khác mà ngộ được, văn võ rõ ràng như vậy, chẳng phải hàng Sơ tâm tu chứng mười Lực. Lại kinh Địa Trì chép: Bồ-tát biết Như Lai tạng văn tự hạnh trước, tu tự tánh thiền, được nhập nhất thiết thiền. Nhất thiết thiền có ba thứ: 1) Hiện pháp lạc, hiện pháp lạc cho nên gọi là Hoan hỷ địa. 2) Xuất sinh thập lực chủng tánh Tam-ma-bạt-đề và Nhị thừa trừ nhập. 3) Lợi ích chúng sinh thiền. Thập trụ là Văn tuệ, Thập hạnh là Tư tuệ, đây văn tu trước để tu tự quán, nhập nhất thiết thiền đắc đủ ba pháp, đâu chẳng phải sơ tâm có tu có chứng, ba y cứ rõ ràng. Đạo phẩm sáu Độ và mười Lực của Phật xoay vần thâm nhiếp lẫn nhau đều như trên nói, nếu tu đạo phẩm sáu Độ tức là tu mười Lực của Phật, hoặc điều phục các căn, đầy đủ sáu Độ, tức là đầy đủ mười Lực, trụ nơi oai nghi Phật không khác. Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa chép: Lực là giúp đỡ hơi sức, không thể cùng tận. Luận Địa Trì chép: Được thắng, có khả năng chịu đựng gọi là lực. Đối với mười chỗ đều như thật, xa lìa luống dối, chiến thắng ma quân, tự thực hành cho nên gọi là đắc thắng, có thể dùng phương tiện lợi ích chúng sinh cho nên nói kham năng. Song Phật lực vô lượng, đâu chỉ nói mười, thật là nhất trí duyên mười việc cho nên nói mười, mười việc này hóa độ chúng sinh đầy đủ, nêu hơn mười cũng có thể biết. Kinh Ương-quạt chép: Mười Lực là Thanh văn tông chẳng phải Ma-ha-diễn. Đại thừa có vô lượng lực. Hai kinh này giải thích càng rõ ràng ý bốn thứ mười Lực. Vì sao đạo phẩm thuộc về bốn Vô sở úy? Nhất thiết trí vô úy, tức là biết đủ bốn thứ khổ đế, vì người khác phân biệt chỉ bày rõ lỗi lầm, quyết định tướng sư tử hống không có sự sợ hãi, không thể nạn vấn rằng là pháp hay chẳng phải pháp. Chướng đạo vô úy là bốn thứ tập đế ngăn chướng bốn đạo diệt, quyết định tướng sư tử hống, không có sự sợ hãi, không thể nạn vấn rằng đây chẳng ngăn chướng đạo. Tận khổ đạo vô úy là bốn thứ đạo đế năng hành đạo ấy, được hết khổ, vượt khỏi thế gian, quyết định tướng sư tử hống, không có sự sợ hãi. Vô lậu vô úy tức bốn thứ diệt đế đều có sở chứng, đều có sở diệt, quyết định tướng sư tử hống không có sự sợ hãi, đạo phẩm vô úy xoay vần thâm nhiếp nhau,

nếu tu đạo phẩm sáu Độ tức là tu vô úy, trụ oai nghi Phật. Đại luận chép: Nội tâm đầy đủ là lực, ngoài dụng không yếu hèn gọi là Vô úy. Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa chép: Một pháp gọi là vô úy, vì sao lại nói bốn? Đối với bốn việc ấy không nghi ngờ nên gọi là bốn. Đức Phật đối với tất cả pháp vô úy, vì sao chỉ có bốn? Nêu đại khái mở bày nguyên nhân của sự việc, ngoài ra cũng vô úy. Thâu nhiếp mười tám pháp Bát cộng, ban đầu thân miệng không lỗi lầm cả hai thứ này là bốn thứ đạo phẩm chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng, được cung cấp cũng không cao ngạo, bị khinh hủy cũng không tự ty, gọi là định tâm, bốn oai nghi thường ở trong định gọi là vô bất tri dĩ xả, hai pháp này là bốn thứ đạo phẩm trong tám thứ định. Tu thân giới tâm tuệ không thể cùng tận, gọi là dục vô giảm, Từ bi độ người an trụ vắng lặng, không thêm không bớt gọi là tinh tấn vô giảm, vô lượng kiếp vì tất cả chúng sinh chịu khổ, không nhàm chán, gọi là niệm vô giảm, ba pháp này là bốn thứ đạo phẩm trong tám thứ tinh tấn. Thường chiếu soi tâm chúng sinh trong ba đời, không cần phải quán mà nói pháp cho họ nghe, không quên niệm trước gọi là tuệ vô giảm, nhớ việc ba đời không quên gọi là giải thoát vô giảm, tự nhiên giác ngộ không đồng Nhị thừa gọi là giải thoát tri kiến vô giảm, lấy tất cả trí tuệ thân nghiệp làm gốc, được trí tuệ vô ngại nói không thể cùng tận, gọi là thân nghiệp cùng trí tuệ hành, niệm và ý cùng trí tuệ hành cũng giống như vậy. Mười một pháp là bốn thứ đạo phẩm trong mười thứ tuệ kết thành ý nhiếp pháp như trên nói. Nhiếp bốn Vô ngại trí, pháp vô ngại: là bốn thứ Tứ đế pháp tên gọi. Tên gọi từ tâm phân biệt, nếu vô tâm thì lấy gì làm tên, đã thấu đạt một tâm vô lượng tâm, cũng biết một tên gọi vô lượng tên gọi, tên gọi không thể cùng tận, đó gọi là pháp vô ngại. Nghĩa vô ngại: Các pháp, các tên gọi đều quy về một nghĩa, đó là như thật nghĩa, gọi là nghĩa vô ngại. Từ vô ngại: Chúng sinh trong mười pháp giới ngôn từ khác nhau đều hiểu rõ hết, âm từ trong mười cõi hòa nhập vào một âm từ, biết một cõi tức biết mười cõi, không có ngăn ngại, gọi là từ vô ngại. Lại, pháp là pháp môn Tứ đế, nghĩa là bốn thứ đạo đế, từ là bốn thứ khổ đế v.v... Nhạo thuyết vô ngại: dùng bốn thứ Tứ đế khéo léo phó thác cơ duyên xoay vần giao kết lẫn nhau, nói không thể cùng tận khiến cho người khác thích nghe, đối với một chữ nói tất cả chữ, tất cả nghĩa đi đến tất cả âm, ngay nơi căn tánh ấy đều thấm nhuần lợi ích, tổng kết thâu nhiếp ý như trên nói. Thâu nhiếp sáu thông: Ba thông nhãn, nhĩ, như ý, như trong điều phục các căn nói, Tha tâm, tức mạng, lậu tận như trong mười Lực nói. Thâu nhiếp ba minh: Như trong sáu thông nói. Thâu nhiếp bốn Nhiếp: Hoặc

thuộc về bố thí tức trong bốn thứ đạo phẩm từ xả giác phần; ái ngữ tức trong bốn thứ đạo phẩm chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng; lợi hành động sự tức tám định trong bốn thứ đạo phẩm, định có thần lực cho nên có thể lợi hành đồng sự v.v... Nhiếp Đà-la-ni: Hành trì các pháp lành như đồ đựng lành lặn chứa đầy nước, ngăn ngừa các pháp ác như vương gai làm ngăn quả trái, tức là bốn thứ đạo phẩm trong bốn Chánh cần. Siêng năng ngăn được hai điều ác, siêng năng làm phát sinh hai việc lành cho nên luận Thập trụ Tỳ-bà-sa có bài kệ rằng:

*Dứt rồi sinh pháp ác
Cũng như giết rắn độc
Chưa dứt sinh pháp ác
Như phòng dự dòng nước
Thêm lớn rồi sinh lành
Như tưới trồng quả ngọt
Lành chưa sinh sẽ sinh
Như dùi gõ ra lửa.*

Thuộc về ba mươi hai tướng, Luận Bà-sa chép: Trong phẩm Tướng của luận A-tỳ-đàm chép: Trong mỗi tướng có ba thứ phân biệt, đó là tướng thể, tướng nghiệp, tướng quả. Đại luận chép: Trăm kiếp gieo trồng ba mươi hai tướng, tức là nghĩa ấy. Lại dùng Tam tạng đạo phẩm, trông mong vào đạo phẩm sáu Độ, cuối cùng không ngoài thí, giới, tuệ v.v... Văn nhiều không xác thật nhiếp hết ý có thể biết. Nếu Thông giáo tướng thể nghiệp quả, không giống với ở trên. Hoặc dùng tướng cầu Phật chuyển luân Thánh vương tức là Như Lai. Là người hành tà đạo, Phật nói ba mươi hai tướng tức chẳng phải ba mươi hai tướng, mỗi mỗi đều dụng, tâm Không động tịnh, tương ưng với không nên mới gọi là Tướng. Luận Tỳ-bà-sa chép: Bồ-tát nhất tâm tu tập ba mươi hai tướng nghiệp, đều lấy tuệ làm căn bản tức không tuệ, nếu vậy ba mươi hai tướng đều là đạo phẩm, thuộc về thập tuệ và trí độ, tức ý của Thông giáo. Lại nữa, hai thứ đạo phẩm giáo môn trước nói nhân đắc tu tướng nghiệp luận về quả có tướng thể, nhưng tướng này nhỏ hơn Luân vương, ma có thể hóa thành, cho nên chẳng đặc biệt nhập Niết-bàn vô dư, tướng thì diệt hẳn, thí như được đồng, không thể chiếu soi mặt Nhị thừa và Tam tạng, Phật đều chứng đắc chân chánh, không có hình tượng pháp giới, nên biết hai đạo phẩm trước chẳng tu tướng pháp, như hai đạo phẩm sau là pháp tu tướng. Kinh Pháp Hoa chép: Hiểu sâu tội phước, tướng chiếu khắp mười phương, Pháp thân thanh tịnh vi diệu, đầy đủ ba mươi hai tướng. Nếu chứng Trung đạo, Trung đạo tức đầy đủ

tướng này, như trong kinh Pháp Hoa hàng Nhị thừa khai thị ngộ nhập vi diệu, hợp với Trung đạo, tức cùng tám tướng Phật thọ ký, thí như được gương soi thì muôn tượng sẽ hiện hình, Đại thừa chứng đắc Trung đạo thì không nơi nào không hiện.

Tướng Pháp thân là chân tướng. Kinh Tịnh Danh chép: Đã xả bỏ thế gian thì sẽ có tướng tốt. Luân Vương Ma-la, tướng thế gian trang nghiêm thân, đều là luống dối cho nên nói đã xả, Trung đạo nêu rõ gương soi vốn không có các tướng, vô tướng mà tướng, đẹp xấu do kia, nhiều ít trụ duyên, hiện khắp sắc thân, tức là tướng chân thật. Kinh Quán Vô Lượng thọ chép: Đức Phật A-di-đà có tám mươi bốn ngàn tướng, trong mỗi tướng có tám mươi bốn ngàn tướng tốt. Tát-già Hoa Nghiêm đều nói: Tướng là đại tướng hải, hảo là tiểu tướng hải. Đã nói tướng hải thì đâu có hạn cuộc ở số ba mươi hai ư? Vì duyên khác nhau, nhiều ít tại kia, tướng này chân thật, làm chỗ biệt viên, thuộc về hai đạo phẩm, nghĩa tự có thể biết, không thể ủy thác giao phó. Nên biết sáu Độ trợ đạo thâm nhiếp các pháp lành vô lượng vô biên, nêu mười hai điều trên để chỉ bày đầu mỗi nghĩa, biết các thứ khác cũng thâm nhiếp, trợ đạo còn như vậy, huống chi chánh đạo v.v...

5. Nói về thứ lớp địa vị: Chân vị và tự vị có giải thoát tri kiến, đở tím rõ ràng, không bao giờ lầm lẫn, nghĩa là chưa đắc cho là đắc, chấp bốn góc lành cho là Sơ quả, cho Sơ quả là Vô học, tự biết chỗ nào đoạn chứng, chưa đoạn chứng. Tuy danh vị bốn môn có khác nhau, đoạn và đế lý yếu kém nhưng không khác, hàng Nhị thừa đa luận, một đời dứt kết thời tiết đã rút ngắn, giáo môn rõ ràng, phần lớn đồng, chỉ khác chút ít, không đổi thay chuyển động, giáo môn của Bồ-tát chẳng những thường đi xa mà trí đoạn cũng khác, đường tắt mới đặt biệt quy về một đường. Về sáu Độ, tăng-kỳ ban đầu chưa biết thành Phật, tăng kỳ thứ hai biết mà không nói, ba tăng-kỳ tự biết mà cũng nói, trăm kiếp gieo trồng tướng đại nhân, đầy đủ năm công đức gọi là bất thoái địa, đều là tự vị. Ngồi đạo tràng thành Phật mới gọi là chân vị, đây là dạy hàng Sơ học nông cạn, còn có thứ lớp địa vị, đâu có phạm phu tâm tạo liền nói thượng vị, đây chẳng phải tăng thượng mạn, suy tìm với ai ư? Nhị thừa Thông giáo địa vị tự chân, trí tuệ khác với Tam tạng, đoạn vị không khác, nếu địa vị Bồ-tát rõ ràng khác nhau, phân biệt danh nghĩa Thông Biệt như Pháp Hoa Huyền Nghĩa v.v... Biệt giáo hoặc đoạn trí vị, hàng Nhị thừa đui điếc chẳng phải cảnh giới của họ cho nên gọi là Biệt, một phen trông mong thâm nhiếp nói về các địa vị nói trong Kinh Hoa Nghiêm chính là nghĩa ấy. Nhưng nghĩa của Biệt giáo phần nhiều tùy theo căn cơ

mà nói có sai khác, ngang thì bốn môn khác nhau, dọc thì thứ lớp sâu cạn, không thể nhất định chấp một kinh mà cho là phải trái. Lại Bồ-tát hoặc soạn Thông luận giải thích kinh, hoặc soạn Biệt luận giải thích kinh, như ngài Long Thọ soạn một ngàn bộ luận, ngài Thiên Thân và các vị Bồ-tát soạn luận cũng đâu có lường được, so sánh với đây thì ít, đâu được chỉ chuyên một ý mà chẳng bác bỏ các môn khác, nếu cầu thả khen chê sai lầm phương tiện của Đức Phật thì tự chuốc lấy sự tổn hại, mong muốn đường thông suốt thì ngược lại thành bị tắc nghẽn. Nay nêu rõ địa vị Biệt giáo bốn môn khác nhau, nói các thứ không đồng, tuy đường xá bờ ruộng kia ngay thẳng đến cùng, phương này tuy chưa có nhiều luận mà bốn môn trước suy tìm, như Thông giáo nói các giai vị biết đó đồng là chân đế, Biệt giáo nói các địa vị biết đó đồng là Trung đạo. Kinh chép: Tuy nói các thứ đạo mà kỳ thật là vì Nhất thừa. Kia đã nói pháp thủy đều đến Nhất thiết trí địa, hiểu được ý này thì sự hồ nghi dễ dứt và không nảy sinh sự đấu tranh.

Đoạn trên phá tư giả trung rồi, nói lược về các giai vị, nếu muốn biết nên đến đó tìm xem v.v... Nay lại có mười ý dung thông Phật pháp: 1) Nói về đạo lý, vắng lặng bất dứt, quên lìa, bất khả tư nghì tức là bốn Đế ba hai một vô tùy tình trí v.v... hoặc khai hoặc hợp, nếu hiểu ý này thì đạo lý quyền thật lặng lẽ tự chiếu. 2) Giáo môn giềng mối khuôn khổ phép tắc vững chãi, bao gồm bí mật và hiển lộ, Đại thừa và Tiểu thừa, tức là tiệm đốn, bất định, bí mật, tạng thông, biệt viên, nếu hiểu được ý này nghe dạy bảo khai hợp hóa đạo có thể biết. 3) Kinh luận mâu thuẫn, lời nghĩa trái nhau, không thể dùng sự thông minh riêng tư, không thể dùng sự hiểu biết rộng rãi, xưa nay chanh chấp nối nhau thay đổi không dứt, nếu hiểu được ý bốn Tất-đàn thì sự kết buộc được khai thông, hoài bão nhỏ nhặt được phân tích nêu lên sự tự tại, không làm đây nghi kia. 4) Nếu biết lầm chấp mà sinh ngăn chấp thì khéo phá sạch hết, đơn phức cụ tức không ngôn ngữ nào theo cho tận cùng, năng phá như sở phá, có chỗ nào đắc ư? 5) Kết chánh pháp môn đối đương hành vị, tu có phương tiện, chứng có thứ lớp khác nhau, quyền thật đại tiểu hiện Thánh không lầm lẫn, tội tăng thượng mạn từ đâu mà sinh? 6) Đối với mỗi pháp môn dọc ngang không ngăn ngại, đầu mối theo nhiều thứ lớp chồng chất lên thành chương. 7) Khai chương khoa đoạn, liền nối nhau, sinh khởi đáng yêu. 8) Viết chép giải thích: Văn kinh uyển chuyển hay ho tốt đẹp, đều dùng các phương pháp trên, tùy ngôn ngữ mà giải thích, nghĩa thuận mà văn thích hợp. 9) Phiên dịch Phạn Hán, danh số gồm thông, khiến phương ngữ không bị tắc nghẽn. 10) Mỗi câu mỗi bài kệ,

như nghe mà tu, nhập tâm thành quán, quán phù hợp với kinh, quán thì có ấn chứng, ấn tâm tác quán chẳng phải đến châu báu cho người khác, chỉ phiên dịch danh số, không rảnh để rộng suy tìm. Chín ý không giống với Pháp sư văn tự thế gian, cũng không giống với thiền sư sự tướng. Có một loại Thiền sư chỉ có quán tâm nhất ý, hoặc nông cạn, hoặc luống dối, chín thứ còn lại hoàn toàn không có, đây chẳng phải ngôn ngữ luống dối, các bậc hiền giả sau này có nhãn căn sẽ chứng biết. Thứ vị là một trong mười ý. Như thứ vị của Viên giáo, trong cảnh giới của Bồ-tát thì nên phân biệt rộng, nhưng kia chứng nay tu cho nên cần phải phân biệt sơ lược. Hoặc bốn thứ Tam-muội tu tập phương tiện, thông như trên nói, chỉ Pháp Hoa sám riêng y cứ sáu thời trong năm pháp sám hối làm phương tiện, nay cứ năm phương pháp sám hối nói về vị tướng kia, trước biết mười tâm nghịch thuận mà duyên theo thật tướng, đó là đệ nhất sám, thường xuyên sám hối không gì không sám, nhưng tâm lý sâu xa bí mật quán dụng không thận trọng bị sự xấu xa đen tối ngăn che, khó mà khai bày hiểu rõ, gắng vận dụng thân miệng, giúp phát ý nghiệp, khiến mau tương ứng, càng tăng thêm năm pháp sám hối. Sám là trình bày bộc bạch tội trước, hối là sửa chữa lỗi lầm đã qua, tu làm việc lành sắp tới, trí Phật chiếu khắp, lòng từ của Phật thu nhiếp cùng khắp, ta dùng thân miệng đánh lễ dưới chân Phật, nguyện đấng Thế gian nhãn chứng minh cho ta sám hối, ta từ vô thủy kiếp đến nay tạo vô lượng tội, làm ngăn chướng đạo Phật, bị vô minh che lấp không hiểu biết chân chánh, từ trong ba cõi trói buộc làm động thân miệng ý, khởi mười tội ác đối với Tam bảo sáu thân bốn sinh năm đạo làm việc không lợi ích, phá hoại người phát tâm Tam thừa, gây năm tội nghịch, bảy tội nghịch, tự làm xúi người khác làm, thấy người làm vui theo, ứng hiện thân đời sau chịu các khổ não, như Bồ-tát ba đời cầu Phật đạo thì sám hối, ta cũng như vậy, tự mình bị tội tằm đấm chìm, không có mắt trí tuệ, khi nói lời này lệ đều tuôn rơi, chí thành chân thật, năm vốc gieo sát đất như cây nghiêng đổ, bẽ gãy ngã nhân và các điều ác dẹp hết, đó gọi là sám hối. Khuyến khích: Gọi là kỳ cầu, hàng Thanh văn tự độ sám hối tội lỗi của mình, hàng Bồ-tát thương xót chúng sinh mà cố hành đạo, cho nên cần phải khuyến tỉnh, nay ta biết tội còn không được giải thoát, chúng sinh không biết nên trải qua nhiều kiếp xoay vần trong vòng sinh tử, ta không đủ sức cứu vớt nên cầu thỉnh các Đức Phật trong mười phương. Các Đức Phật vì thương xót chúng sinh không phân biệt lớn nhỏ chỉ tùy theo nguyện, Đại luận có nói về thỉnh bất thỉnh v.v...

Thỉnh quay chuyển pháp luân, đó là khuyến, thị, chứng, khiến đối

với Tứ đế sinh nhãn trí minh giác, đó gọi là tam chuyển. Có người nói thỉnh nói Tam thừa gọi là tam chuyển, nếu Phật có nói pháp thì chúng sinh chứng đắc Niết-bàn, cho dù chưa đắc sẽ giúp cho họ thọ hưởng sự an vui thế gian, nếu được Phật hứa khả thì tất cả được an vui, ta dự liệu tất cả tội khổ cũng dứt, như cầu mong mưa khắp nơi, ta có ít ruộng cũng được thấm nhuần tốt xanh. Thỉnh trụ thế: Mạng tùy nghiệp mà được trụ, biến hóa tùy tâm mà được trụ, tâm dừng thì sự biến hóa cũng diệt, nay ta thỉnh Phật làm lợi ích chúng sinh như cây đèn lớn, chớ dừng tâm biến hóa, trụ lâu ở đời làm an ổn độ thoát tất cả chúng sinh, đó gọi là khuyến thỉnh. Tùy hỷ tức là khánh bĩ. Đức Phật đã ba phen quay chuyển pháp luân, chúng sinh được lợi ích ba đời, ta cho kia được vui mừng. Lại nữa, ta nên khuyến hóa khiến cho họ được phát sinh điều lành, điều lành kia tự phát sinh cho nên ta vui mừng, vui mừng cho chúng sinh trong ba đời sinh phước đức tốt lành, ba đời Tam thừa vô lậu thiện, ba đời các Đức Phật từ sơ tâm đến nhập diệt, tất cả các điều lành, ta đều vui theo, cũng dạy người khác vui theo, như mua bán hương, ba người đứng bên cạnh đều ảnh hưởng mùi thơm, năng hóa, thọ hóa và tùy hỷ ba điều lành bình đẳng, quán chúng sinh bị mê hoặc thật đáng thương xót. Quán việc lành của chúng sinh nên sinh tâm cung kính, thường không xem nhẹ, hiểu biết sâu xa, có đủ chánh duyên, tuy chưa phát nhưng sẽ được sinh, trồng độc xa gần đều phải chết, cho nên kính như Phật. Vì sao? Vì các Đức Phật trong đời vị lai là số vô lượng. Chữ thâm này là ý tùy hỷ, nhân pháp nêu lẫn nhau. Hồi hướng: Là hồi chuyển các điều lành hướng về Bồ-đề, tất cả Hiền Thánh công đức rộng lớn, nay ta vui thọ phước cũng rộng lớn, chúng sinh không điều lành, ta dùng điều lành để bố thí, bố thí cho chúng sinh rồi chánh hướng đến Bồ-đề, như hương tiếng thổi thì tiếng dội nghe xa, hồi hướng là lợi ích lớn. Chính hồi hướng này dứt trừ ba cõi, diệt các hý luận, làm khô bùn lầy phiền não, diệt rừng gai nhọn, xả trừ trọng tội, không lấy, không nhớ, không chấp, không đắc, không phân biệt nơi chốn, năng hồi hướng sở hồi hướng, các pháp đều vọng tưởng hòa hợp cho nên có. Tất cả pháp thật bất sinh, vì vô nên nay sẽ sinh, vì vô nên nay sẽ diệt, các pháp đã như vậy ta tùy thuận theo các pháp vui theo hồi hướng, như các Đức Phật ba đời đã thấy biết và hứa khả, đó gọi là chánh hồi hướng chân thật, cũng gọi là tối thượng cụ túc đại hồi hướng, thì không hủy báng Phật, không mắc lỗi lầm, không bị trôi buộc, không độc hại lỗi lầm. Đâu chỉ hồi hướng như vậy, ba đời trước một đời sau cũng vậy. Luận Tỳ-bà-sa chép: Tôi nên sám hối như vậy, khuyến thỉnh tùy hỷ phước hồi hướng với Bồ-đề.

Phát nguyện: Là thế, như hứa cho người vật, nếu không phân chia thì vật bất định, bố thí cho chúng sinh điều lành nếu không tra xét tâm, hoặc sợ hối hận lui sụt thì gia thêm thế nguyện. Lại không thế nguyện thì như trâu không có người điều khiển sẽ không biết phương hướng mà đi. Hành trì nguyện thì tương lai tốt đẹp, cũng gọi Đà-la-ni giữ thiện ngăn ác, như gói được nung bằng lửa mới có thể thành vật, hàng Nhị thừa sinh tử đã hết cho nên không cần nguyện, Bồ-tát đời đời hóa độ chúng sinh nên cần phải có tổng nguyện, biệt nguyện. Tứ hoàng là tổng nguyện. Kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm đều nói mỗi một việc lành Đà-la-ni đều có Biệt nguyện, nay nơi đạo tràng ngày đêm sáu thời thực hành pháp sám hối này, phá các tội ác nghiệp lớn, khuyến thỉnh phá tội hủy báng pháp, tùy hỷ phá tội ganh ghét, hồi hướng phá tội ràng buộc trong các cõi, thuận theo Không, Vô tướng, Vô nguyện, sở đắc công đức không thể hạn lượng, thí dụ tính toán so sánh cũng không thể nói được. Nếu siêng năng thực hành năm pháp sám hối phương tiện trợ giúp khai mở quán môn thì một tâm ba đế bỗng nhiên khai sáng, như tới gương soi thấy rõ tất cả mâu sắc, ở trong một niệm viên giải thành tựu, không gia thêm công lực, nhậm vận rõ ràng, chánh tín vững chắc không gì lay động, đây gọi là lòng tin sâu sắc, tâm tùy hỷ tức địa vị của hàng đệ tử Sơ phẩm. Phẩm Phân Biệt Công Đức chép: Có chúng sinh nghe Phật ở thế giới kia thọ mạng lâu dài, dù chỉ sinh một niệm tin hiểu thì được công đức không thể hạn lượng, có thể sinh khởi trí tuệ vô thượng của Như Lai, hoặc nghe kinh mà không hủy báng khởi tâm vui theo, nên biết chúng sinh ấy đã tin hiểu sâu xa, là văn của sơ phẩm. Lại dùng viên giải quán tâm, tu hàng năm pháp sám hối, lại thêm đọc tụng khéo nói nghĩa nhiệm mâu tương hợp với tâm như mỡ giúp cho lửa thêm cháy, vậy thì tâm quán càng rõ ràng gọi là đệ nhị phẩm (phẩm thứ hai). Văn chép: Huống chi người đọc tụng, thọ trì, thì người ấy tức là đánh lễ Như Lai, lại dùng thêm phẩm thắng tâm tu hàng năm pháp sám hối, lại thêm nói pháp, chuyển biến sự hiểu biết, dẫn dắt làm lợi lạc người trước, do rộng cứu giúp cho nên hóa công đức trở về mình, tâm lại hơn trước gọi là đệ tam phẩm. Văn chép: Nếu có người thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người khác nghe, tự ghi chép hoặc bảo người khác ghi chép, cúng dường quyển kinh thì không cần xây chùa tháp cúng dường chúng sinh. Lại dùng tâm tinh tấn tu hàng năm pháp sám hối, gồm tu sáu Độ, được phước đức gấp bội, giúp cho sự quán tâm thêm một phen tinh tấn sâu xa gọi là đệ tứ phẩm. Văn chép: Huống gì có người thọ trì kinh này, gồm tu hành sáu Độ, công đức của người ấy cao quý vô lượng vô biên, thí

như hư không cho đến nhất thiết chủng trí. Lại dùng tâm này tu hành năm pháp sám hối, chánh tu sáu ĐỘ, tự tu hành giáo hóa chúng sinh, sự lý đầy đủ, tâm quán vô ngại càng cao xa hơn trước không thể so sánh thí dụ, gọi là đệ ngũ phẩm. Văn chép: Giảng nói cho người khác nghe bằng mọi cách, giữ giới thanh tịnh, nhẫn nhục không sân, chí niệm vững chắc, thường ưa ngồi thiền, tinh tấn mạnh mẽ, trí tuệ lợi căn, phải biết người ấy đã đến đạo tràng, gần đến tam-bồ-đề, nếu thế thì địa vị Ngũ phẩm ở trước Thập tín. Nếu theo Phổ hiền quán tức dùng Ngũ phẩm làm Thập tín ngũ tâm. Nhưng ý Phật khó biết tùy căn cơ mà nói khác, nhờ đây mà khai hiểu, đâu nhọc tranh cãi v.v... Lại nữa, nay một chương này là quán cảnh ấm giới nhập, phải y cứ vào ấm nhập mà phân biệt thứ lớp. Có chỗ nói hắc ấm giới nhập là thứ vị trong ba đường ác, bạch ấm giới nhập là thứ vị trong ba đường lành, ấm giới nhập thiện phương tiện là tự vị của Tiểu thừa, ấm giới nhập vô lậu là địa vị chân thật của Nhị thừa, ấm giới nhập biến dịch là địa vị của năm hạng người, pháp tánh ấm giới nhập thường sắc, thường thọ, tướng hành thức tức là Phật vị v.v... lại, giả danh ngũ phẩm đã chuyển rõ thanh tịnh, hoát nhiên nhập vào văn tuệ, thông đạt không dính mắc, tin sâu khó lay chuyển, tức là Tín tâm. Thứ lớp như vậy niệm tấn tuệ định Đà-la-ni giới hộ hồi hướng nguyện v.v... Thập tín đầy đủ, gọi là địa vị sáu căn tương tự thanh tịnh, bốn trụ đã hết. Kinh Nhân Vương Bát-nhã chép: Bồ-tát Thập thiện phát đại tâm, giả biệt hẳn vòng khổ trong ba cõi tức là ý này. Kế là nhập Sơ trụ, phá vô minh, thấy Phật tánh. Kinh Hoa Nghiêm chép: Khi mới phát tâm liền thành Chánh giác, tánh chân thật không từ người khác mà ngộ là ý này. Thứ lớp bốn mươi hai địa vị như vậy, rốt ráo Diệu giác không có xen lẫn, đó gọi là biết thứ vị.

6. An nhân: Có khả năng an nhân thành tựu việc đạo, không lay động cũng không lui sụt, tâm ấy gọi là Tát-đỏa. Bắt đầu quán theo thứ lớp từ ấm giới đến thức, tám pháp chương chuyển tuệ khai mở, hoặc chưa nhập phẩm vị, hoặc nhập Sơ phẩm thần trí lạnh lợi. Như dao nhọn chém sương bay, xúc chạm vật liền đứt đoạn, hàng Sơ tâm thông minh nhìn xa thấy rộng, vượt xa nơi đây, vốn không đợi học mới có thể hiểu kinh luận, xem nghĩa sơ khác, biết rõ tông đồ, muốn giải thích một điều thì phân biệt rõ không thể cùng tận, như dấu kín trong lòng kho tàng báu vật. Âm thầm siêng năng tinh tấn sẽ được nhập phẩm vị, hoặc tiến sâu phẩm vị, chí niệm bền vững, không thể thay đổi làm phương pháp thù thắng lâu dài, nhưng cái kim nhọn để trong bọc, khó che đậy dễ lòi ra, hoặc thấy người giảng không hợp lý, hoặc thấy người hành đạo không

thấu suốt, từ bi chỉ dạy liền bị bao vây chung quanh, hễ có giảng nói, hoặc khuyên bảo chúng sinh, bên trong ngứa ngáy, bên ngoài lay động, liền nói một, hai câu pháp, hoặc chỉ bày một, hai tiết thiền, ban đầu đối với một người mà truyền bá, dần dần rộng rãi thì không được dừng lại. Ban đầu cho rằng có ích, làm lợi ích cho người khác, càng thêm mâu nhiệm, phước bỏ sự tu hành, chẳng những phẩm trật không tiến bộ mà còn làm chướng ngại đạo. Voi con sức yếu thân bị đao tên giết hại. Múc nước nóng đổ vào băng lại thêm băng nhóm. Luận Tỳ-bà-sa chép: Phá hỏng Bồ-tát. Ngày xưa Thiên sư Nghiệp Lạc danh vang khắp sông biển, đến đâu thì bốn phương nhóm họp kính ngưỡng, khi đi thì trăm ngàn thành đàn, ầm ầm hiện hiện cũng có lợi ích gì đâu, khi sắp qua đời đều hối hận. Vũ Tân than rằng: Một đời trông mong nhập địa vị Đồng luân, lãnh chúng quá sớm thì sở cầu không thành công. Nguyễn văn chép: Lựa chọn kỹ càng phép tắc cao quý có thể làm gương. Tu hành đến đây xét tự tâm chước, trí lực khỏe mạnh, phải rộng làm lợi ích, như voi lớn quản thúc đàn của nó, nếu kia không như vậy lại phải an nhẫn tu sâu Tam-muội, tu hành thành tựu, giáo hóa không muộn. Đại luận chép: Bồ-tát lấy độ người làm sự nghiệp, vì sao chỉ tự làm cho mình tốt ở chốn núi sâu? Đáp: Như uống thuốc thì thân thể sẽ khỏe mạnh, thân tuy xa lìa tâm không xa lìa. Nếu đến sáu căn thanh tịnh, gọi là ban đầu nương người, nếu có nói pháp cũng có thể tin nhận, một tiếng phát ra làm cho người nghe khắp nơi đều vui mừng, đó là địa vị hóa tha, nếu vậy thì không vượt ngoài hai tên giặc mạnh yếu, vì sao như vậy? Vì tự tu hành chuyển thành đối với người khác có phân biệt, voi lớn giữ gìn bảo vệ, đao tên không hại được, ánh sáng mặt trời chiếu soi ở thế gian lâu dài tự trị, đây là năng lực an nhẫn. Nếu bị danh dự trói buộc, sợi dây lợi dưỡng, quyến thuộc tụ tập, trong thì chướng ngại xâm chiếm, bên ngoài thì hết cành lá, phải sớm suy tìm, chớ thọ nhận, chớ dính mắc, nếu tìm không được lại bị dính mắc, nên che đức lộ, ngọc dương cuồng ẩn thật, che giấu vàng bạc quý báu chớ để cho trộm thấy, nếu ẩn dấu mà không thoát thì phải một chuyến muôn dặm, đi đến phương khác, không quen biết nhau, ưa được học đạo như Cầu-na-bạt-ma v.v... Nếu danh lợi quyến thuộc từ bên ngoài đến phá thì nhớ ba pháp này cần rằng chịu đựng. Tuy có ngàn muôn lời thỉnh cầu nhưng đích xác khó vượt qua, nhường nhịn, ẩn dật hay bỏ đi ư? Nếu phiền não nghiệp định kiến mạn v.v... Từ trong đến phá cũng nên nhớ ba pháp, tức không tức giả tức trung, cho dù mổ xẻ nghiền nát xương thịt, tâm cũng không lay động tán loạn, mặt đất trấn áp cũng không bị nhận chìm, gió lớn phất nhẹ,

băng lạnh chẳng lạnh, lửa mạnh đâu nóng. Tâm ngay thẳng chánh quán đâu được coi nhẹ, chứng chút ít thiền liền lấy làm vui, vừa thấy việc ác nhỏ liền lấy làm lo, đồ dùng chưa nung dễ vo tròn, am đẹp khó thật. Đại phẩm chép: Vô lượng người phát tâm Bồ-đề phần nhiều rơi vào địa vị Nhị thừa, vì muốn làm việc lớn cần phải an nhẫn, nếu hiểu được ý này thì không cần chín cảnh, nếu ai chưa hiểu thì lại nói rộng.

7. Không pháp ái: Thực hành chín việc trên vượt qua chướng ngại trong ngoài nên được nhập chân, nhưng không nhập là do pháp ái trụ trước mà không được trước. Luận Tỳ-đàm chép: Noãn pháp còn lui sụt, nếu lập năm căn, nhẫn trên phát chân thì không luận lui sụt, Đảnh pháp nếu sinh tâm ái, đáng nhập mà không nhập, vì bốn tội trọng, năm tội nghịch, thông biệt đều có nghĩa đánh đọa, đã không nhập vị, lại không rơi vào Nhị thừa. Đại luận chép: Ba Tam-muội là tự đạo vị, khi chưa phát chân thì hỷ có pháp ái, gọi là đánh đọa. Nay người hành đạo muôn người không đến được địa vị đó, được đến địa vị đó khéo tự ngăn phòng giữ gìn, đến địa vị đó không còn bị nội ngoại chướng mà chỉ có pháp ái, pháp ái khó dứt bỏ, nếu có tra xét kỹ điều này chẳng là việc nhỏ, thí như đồng thuyền mà một đi, một dừng, dừng tức là trụ trước. Lại nữa, tuy không chấp cát cũng không chấp bờ, do gió dừng cho nên trụ, không chấp cát dụ cho không chướng ngại bên trong, bờ dụ cho chướng ngại bên ngoài, mà sinh pháp ái không trụ gió dừng, không tiến không lùi gọi là đánh đọa. Nếu pháp pháp ái tức nhập vào ba giải thoát, phát Trung đạo chân thật, tất cả thân trí tuệ không từ người khác ngộ, tự nhiên vào dòng biển Tát-bà-nhã, trụ vô sinh nhẫn, cũng gọi là Tịch diệt nhẫn, dùng Thủ-lăng-nghiêm du hý thần thông, có trí tuệ rộng lớn như nước biển lớn, tất cả công đức chỉ Phật mới biết được, nay Chỉ Quán tiến thú, phương tiện ngang bằng đây mà thôi! Công đức nhập trụ ở đây không nói, sau sẽ lập lại rõ ràng.

Mười pháp ấy gọi là Đại thừa Quán, người học Thừa ấy gọi là Ma-ha-diễn. Thế nào là Đại thừa? Như Kinh Pháp Hoa chép: Trưởng giả đều ban cho các con cùng một thứ xe lớn, xe kia cao rộng trang nghiêm bằng các thứ báu, lan can chung quanh, bốn mặt đều treo linh, ở trên lại có màn trướng lọng treo, cũng được trang sức bằng các thứ trân báu kỳ lạ, các dây báu đan xen vào nhau, rũ xuống các thứ hoa anh lạc, lớp lớp trải bày, chung quanh an trí như gối đầu lên nhau, xe ngựa thì dùng bò trắng khỏe mạnh, màu sắc đầy đủ sạch đẹp, thể hình tuyệt hảo, có sức mạnh vĩ đại, đi bộ trên đất bằng nhanh như gió, lại có nhiều người hầu hạ đi theo bảo vệ. Đại thừa Chỉ Quán cũng giống như vậy.

Quán niệm niệm tâm đều là pháp tánh thật tướng, đó gọi là cùng một loại xe lớn. Nơi mỗi một tâm tức không, tứ giả, tức trung đó gọi là đều ban cho xe lớn. Thấu suốt nguồn gốc ba đế gọi là cao, thấu tóm mười pháp giới gọi là rộng. Vô lượng đạo phẩm gọi là các báu trang sức, bốn thứ ấy siêng năng ngăn ác làm lành. Lại nguyện đời sau hành trì vững vàng bền chắc gọi là lan can chung quanh, nghĩa và từ của pháp rõ ràng tuyên bày khắp nơi, khai mở sự giác ngộ gọi là bốn mặt treo linh. Lòng từ bao che cùng khắp, không bỏ sót hạn cuộc nơi nào, gọi là giăng lọng che màn trưởng. Đạo phẩm thâm nhiếp mười Lực vô úy, mười tám pháp Bất cộng không đồng với kia, gọi là trân báu kỳ lạ trang sức. Bốn thế nguyện rộng lớn vững chắc tâm không lui sút gọi là dây báu đan xen quyện vào nhau. Bốn thứ nhiếp vật không gì không được ưa thích gọi là rủ xuống các thứ hoa anh lạc; các thiền Tam-muội, khởi sáu thần thông gọi là lớp lớp trái bày chông chất chung quanh; Bốn môn quy về tông, dứt bật các hành gọi là an trí trên gối son. Trí tuệ bốn Niệm xứ phá trừ tám thứ điên đảo tối tăm gọi là bò trắng kéo. Bốn Chánh cần thêm lớn hai điều lành gọi là cao lớn mạnh khỏe. Ngăn dứt hai đường ác, hai đường ác dứt sạch cho nên gọi là các sắc đẹp đầy đủ sạch sẽ. Bốn Như ý tức biện tài tự tại gọi là hình thể tốt đẹp. Năm căn vững chắc không thể lay động gọi là cân, Năm lực thêm mạnh ngăn các pháp ác gọi là Lực. Bảy giác phân biệt, chọn lựa gọi là hành bộ (đi bộ). Tám Chánh đạo an ổn gọi là bằng phẳng. Đối trị giúp đạo rộng thâm nhiếp các pháp gọi là nhiều người phụ giúp bảo vệ. Phá pháp ái vô minh, vào biển Tát-bà-nhã, nhanh chóng phát chân, gọi là kia nhanh như gió, chuyên chở các con vui vẻ sung sướng. Đây là pháp môn Đại thừa quán độ đầy đủ hợp với kinh kia cho nên gọi là Đại thừa quán. Lại nữa, tất cả pháp đều là Nhất thừa, xét rằng người có tâm đầy đủ pháp mẫu như thế gọi là Lý thừa, Như Lai không nói thì không thể biết, do nghe vui mừng đánh lễ thọ trì tức Danh tự thừa, nhân nghe danh cho nên y theo lời dạy tu hành nhập địa vị Ngũ phẩm gọi là Quán hành thừa, được sáu căn thanh tịnh gọi là Tướng tự thừa. Từ trong ba cõi vượt ra trụ trong Tát-bà-nhã, đó cũng không trụ, nếu nhập Sơ trụ cho đến Thập trụ, được thừa chân thật, đi đến phương Đông, Thập hạnh đạo chơi phương Nam, Thập hướng đạo chơi Tây phương, Thập địa đạo chơi ở Bắc phương. Xoay vẫn không bờ bến, đặc không mà chỉ, chỉ ở trung ương, tức là Diệu giác, thẳng đến đạo tràng, là ý này. Người đời nay cho rằng bỏ ác chấp không là Đại thừa, Không này còn không tránh khỏi sáu mươi hai ác kiến đơn phức, đâu được động xuất là Thừa, dù mượn làm thừa, chỉ một ngọc thừa,

không có pháp môn để độ, chánh pháp đại thành kho báu kim cương, đầy đủ không thiếu, đâu có chỗ nào mà không, đâu phải dung chứa ngọc không mà thôi! Nếu vậy thì ngồi thừa tà kiến đi vào đường hiểm ác là xe lừa què mà thôi!

Ngồi ngay ngắn quán ấm nhập như trên nói, trải qua chuyên đối cảnh quán ấm giới, duyên là lục tác, cảnh là sáu trần. Đại luận chép: Đối với duyên sinh tác giả đối trần sinh thọ, như trong tùy tự ý nói, nếu Bát-nhã thường thực hành, kinh Pháp Hoa Phương Đẳng hành phân nửa, hoặc quét dọn làm việc đều có hành động, tùy tự ý rất nhiều. Nếu không đối với hành mà tu tập quán thì làm sao mau tương ứng với đạo lý, phân biệt sơ lược tướng ấy, theo như trước chia làm mười:

Ban đầu là quán cảnh: Như giở chân lên, đặt chân xuống, mỗi bước là sắc pháp, sắc do tâm vận chuyển từ đây đến kia, tâm này nương sắc tức là sắc ấm, lãnh thọ hành này tức thọ ấm, đối với hành chấp ngã tức tướng ấm, hoặc hành thiện, hành ác tức hành ấm, hành trong tâm tức thức ấm, hành trần đối với ý thì có giới nhập, cho đến nhãn sắc ý pháp cũng giống như vậy, ấm giới nhập này khi giở chân lên, đặt chân xuống thấy đều đầy đủ. Ấm nhập như thế tức là vô minh hợp với hành ấm, sinh ra ấm giới nhập trong lành, ấm giới nhập không khác vô minh, vô minh tức là pháp tánh, pháp tánh tức là pháp giới, tất cả pháp hướng về trong hành là hướng về nơi không lầm lỗi. Một ấm giới nhập là tất cả ấm giới nhập, một, nhiều, không một không nhiều, không ngăn ngại nhau, đó gọi là cảnh bất tư nghì trong hành. Khi đạt được cảnh này thì đồng sinh với từ bi, khởi lo nghĩ mình bị hôn trầm, vô lượng kiếp đến nay thường bị ấm nhập mê hoặc lừa dối, nay mới bắt đầu hiểu biết tất cả chúng sinh đều là Nhất thừa, mê say điên đảo thật đáng thương xót, thệ nguyện phá vô minh làm chỗ nương cho chúng sinh, an tâm nơi định tuệ, vắng lặng chiếu soi. Tâm đã được an, khắp phá tất cả kiến tư hoặc, vô tri vô minh, làm ngã chướng ba đế, ngang dọc đều phá sạch, lại khéo biết thông bát, chẳng bao giờ đối với thông mà sự chấp thuốc thành bệnh, khéo biết đạo phẩm tươi khô niệm xứ, giữa hai cây sa-la nhập Bát-niết-bàn. Lại khéo biết trong hành đối trị sáu Độ giúp mở cửa Niết-bàn, hiểu sâu thứ vị, biết ngã hành này chưa đồng với bậc thượng Thánh, hổ thẹn tiến tu không dừng nghỉ, đối với hành thì bên ngoài hàng phục danh lợi, bên trong hàng phục chướng, an nhẫn bất động, pháp ái dính mắc chớ để cho đỉnh đọa, mười pháp thành tựu thế nhập địa vị Đồng luân, chúng vô sinh nhận được một xe lớn cao rộng, trang nghiêm thanh tịnh trang sức bằng các báu, xe kia nhanh như gió đùa giỡn vui sướng. Thừa

là xe, là xe báu đi thẳng đến đạo tràng, đây là y cứ vào hành duyên tác quán, trí vô trấu vô minh, hiển bày gạo pháp tánh, giở chân lên, đặt chân xuống từ đạo tràng đến đầy đủ Phật pháp, lệ theo trước có thể biết, duyên đi đã vậy, đứng ngồi nằm nói năng tạo tác, lệ theo trước có thể hiểu. Ba Tam-muội không có pháp nằm, tùy tự ý thì có, ngày xưa có vị quốc vương trong lúc nằm mà ngộ Bích-chi-phật, cho nên biết trong lúc nằm được có quán hạnh, v.v...

Đối cảnh: Y cứ vào nhãn chấp ngã nói rằng ngã nhân thọ, một trần có ba, cộng chung là mười tám thọ: Nhãn thấy sắc có năm ấm, ba giới, hai nhập, theo như trước nói. Lại kinh Di-lặc Tướng Cốt chép: Một niệm thấy sắc có ba trăm ức, năm ấm sinh diệt, mỗi mỗi năm ấm tức là chúng sinh. Nếu như thế thì khi nhãn đối sắc sao chỉ có năm ấm, ba giới, hai nhập. Nếu quán nhãn sắc như thế thì gọi là giảm sự tu trì, chẳng phải Ma-ha-diễn, nếu quán nhãn sắc ở nơi các Đức Như Lai thường đầy đủ, không giảm tu nhân thức đến nhập môn, nhãn sắc một niệm tâm khởi tức là pháp giới, đủ tất cả pháp, tức không tức giả tức trung. Bốn câu cầu không thật có cho nên nói tức không, như tướng sắc Di-lặc một niệm ba trăm ức năm ấm sinh diệt, cho đến một địa mười địa sắc tướng đã vậy, thọ tướng hành thức cũng giống như vậy. Như ngoại đạo đánh đầu lâu làm tiếng, nghe biết nơi phát sinh, biết vô lượng sự, hương vị xúc v.v... cũng giống như vậy, cho nên nói tức giả, giả không nhất định là giả, không chẳng nhất định là không, thì chẳng phải không chẳng phải giả, nếu một Pháp nhãn chẳng phải không chẳng phải giả thì tất cả pháp cũng chẳng phải không chẳng phải giả, giống như hư không hữu vô đều vắng lặng hẳn, cũng như mặt trời mặt trăng không chỗ tối nào mà không chiếu sáng. Tuy không có không giả mà song chiếu song giả, chiếu nhân duyên thô sắc gọi là nhục nhãn, chiếu nhân duyên tế sắc gọi là Thiên nhãn, chiếu nhân duyên sắc không gọi là tuệ nhãn, chiếu nhân duyên sắc giả gọi là Pháp nhãn, chiếu nhân duyên sắc trung gọi là Phật nhãn. Năm nhãn trong một tâm đầy đủ, chẳng phải đầy đủ nhục nhãn máu huyết của phàm phu, cũng chẳng phải thiên nhãn mà các vị trời chứng được, cũng chẳng phải tuệ nhãn bị đắm chìm trong không của Nhị thừa, cũng chẳng phải mắt phân biệt của Bồ-tát, chỉ dùng Phật nhãn có đủ năm lực, như các dòng đều chảy vào biển, mất tên gọi gốc, cho nên Đức Phật hỏi Thiện Cát (Tu-bồ-đề) rằng: Như Lai có Năm nhãn căn không? Đáp: Có. Đều cho rằng Như Lai có, thì đâu có liên quan gì đến nhãn của phàm phu Nhị thừa! Kinh Thỉnh Quán Âm chép: Đầy đủ năm nhãn thành Bồ-đề. Do ba quán một tâm gọi là không giảm tu, do

một nhãn đủ năm lực gọi là thấy rõ đến nhập môn, cũng là viên chứng, đối với nhãn trong ngoài tự tại, nhãn nhập chánh thọ, tử Tam-muội khởi, tử nhập nhãn khởi, tuy động mà vắng lặng, vắng lặng mà không chướng ngại động, tuy vắng lặng mà động, động mà không chướng ngại vắng lặng, tuy thấy mà không thấy, không thấy mà thấy, mới gọi là thấy rõ đến nhập môn.

Hỏi: Đức Phật đầy đủ năm nhãn nên chiếu soi năm cảnh. Kinh chép: Ta dùng năm nhãn mà không thấy ba tụ chúng sinh, kẻ ngông cuồng ngu si không thấy co mắt mà nói thấy ư? Lại nói: Thấy sắc đồng với mù, đã đồng với mù thì đâu được thấy sắc thô tế ư? Đáp: Năm cảnh đều là thật tướng sâu xa, thật tướng đều không thể thấy, vì không thể thấy cho nên dụ như mù, tuy không thể thấy mà sự thấy không giảm bớt. Năm nhãn thông suốt các cảnh rõ ràng, tuy nói năm chiếu nhưng chiếu đâu hẳn là có, tuy nói như mù nhưng mù đâu hẳn là không! Kinh Tịnh Danh chép: Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy, tức là ý này, đó gọi là cảnh bất tư nghì. Nhãn của ta và nhãn của chúng sinh không hai không khác, vì sao chúng sinh không hay không biết, liền khởi tâm từ bi, thế nguyện phải độ thoát, muốn đầy đủ nguyện này phải an tâm định tuệ, dùng Chỉ Quán phá khắp các pháp. Đối với nhãn sắc biết rõ thông bát, không như đường có trùng, đối với nhãn ấm tu bốn Niệm xứ, chẳng phải tịnh chẳng phải bất tịnh, khô tươi cả hai đều bỏ mà nhập Niết-bàn, học các phương pháp đối trị, giúp mở ba cửa giải thoát, biết rõ sáu tức, không khởi tâm xen lạp ngã sở, quán nhãn tuy có đủ năm nhãn, chỉ là tên gọi, chỉ là quán hạnh. Nếu dần dần thấy ngoại chướng, sau mới thấy mười phương. Như Phổ Hiền quán mau thấy đại thiên, như ngài Thường Bất Khinh tiêm đốn cả hai thấy sáu căn dùng lẫn nhau, ta đều chưa biết lên thêm, không nên khởi tâm kiêu mạn, phải hổ thẹn siêng năng tu hành, như dựng đức lập danh, phải nhẫn nội ngoại chướng, an như Tu-di. Pháp ái không sinh thì không dính mắc, xe kia nhanh như gió là chứng nhãn chân thật, nướng một xe lớn thẳng đến đạo tràng, nếu đối với nhãn được nhập nhiều, đối với nhãn rộng làm Phật sự, thường phát ra ánh sáng vàng ròng chiếu khắp tất cả. Kinh Tịnh Danh chép: Hoặc có cõi Phật dùng ánh sáng làm Phật sự. Nhãn sắc một phen thọ đã vậy, hai thọ còn lại cũng giống như vậy, ngoài ra năm căn, năm trần mười lăm thọ cũng giống như vậy, nói rộng như trước, đem ý trước độ nhập sáu căn dụng, chỉ khiến cho phá bỏ phiền não, không câu chấp thường khoa. Nếu từ trong tai được xe lớn thì thường dùng âm thanh làm Phật sự, trong mũi dùng hương, trong lưỡi dùng vị, trong thân

dùng áo trời, trong ý dùng vắng lặng, một căn Phật sự dùng chung các căn, phương tiện lợi vật thì khác nhau, giúp cho chúng sinh được an vui rất ráo.

Nếu có thể siêng năng thực hành như trên, ở trong một đời thì sẽ không có lỗi lầm, tuy nghe mà không dùng như rắn hổ mang nhớ ngọc, đâu có lợi ích đối với rắn dài ư? Nay dùng ba thí dụ: Thí dụ với đắc thất, kẻ thất phu mạnh tu trị một đao, một mũi tên, phá một mũi hai mũi, được ban thưởng một lạng vàng, một nén bạc, bổng lộc thắm nhuần đến một vợ một con người như vậy chỉ lợi khí giới, mang kích ruổi ngựa đi trước để rao truyền mệnh lệnh, đâu cần rộng biết binh pháp! Nếu muốn cho nước nhà hùng mạnh không bị xâm lấn thì phải giỏi văn võ, tính toán nơi màn trướng, phân rõ thông suốt muôn dặm, sợ học sâu xa, chỗ phá cũng lớn, được hưởng rất nhiều bổng lộc, tuy biết mà không dùng, dùng mà luôn bị thua còn không thể giúp thân, đâu sánh kịp với người ư? Người học thiên quán cũng giống như vậy, chỉ biết duy nhất một Pháp Hoặc chỉ hoặc quán trừ tính phá điều ác nhỏ, tâm vắng lặng hành đạo, được chút ít thiên định thân nhiếp một ít quyến thuộc, liền cho là đủ, như kẻ thất phu đánh nhau đó thôi! Muốn làm Đại Thiên sư phá đại phiền não, hiển bày vô lượng pháp lành, lợi ích vô lượng duyên thì phải học mười pháp Chỉ Quán, thấu đạt ý thú, đối với sáu duyên sáu thọ hành dụng tương ứng, phiền não chợt khởi thì liền có quán, quán sai lầm tiêu biểu cho sự mạnh mẽ, việc khó hiểu như búi tóc được châu, nếu hiểu mà không dùng, dùng mà không được, lại phản thầy, mê hoặc tâm, đạo làm sao yên ổn được ư? Lại như người nông dân chỉ biết cách làm ruộng, mới cứu một người được một mâm nem, đâu cần học cỏ gốc thần nông ư? Muốn làm vị đại y thì phải rộng xem xét bệnh của tất cả chúng sinh để trị liệu, chuyển mạch, chuyển tinh, thường dụng, thường nghiệm, ân cứu giúp rộng lớn, người học thiên cũng giống như vậy, chỉ chuyên một pháp, đối trị sự mê hoặc liền bỏ, ngay lúc này mà không có lợi ích thì cuối cùng cũng chẳng có ý vị gì đáng ghi nhớ, cũng không thể phá phiền não nhập vô sinh nhẫn. Tuy rằng có thầy thuốc giỏi mà không nương theo phương thức để uống thì bệnh đâu có lành được ư? Đọc tụng Chỉ Quán rất lợi ích, tâm không hành, dụng vô sinh thì không bao giờ hiện tiền được. Lại như học nghĩa chỉ muốn một hỏi một đáp, khoe khoang một thời, đâu cần rộng tìm kinh luận, muốn làm pháp chủ phải giỏi các bộ khác, tuy thâm hiểu nhiều chỗ mà không hội xuất chúng, yếu hèn không có khả năng đáp lại, nếu không nhút nhát sợ hãi, gặp cơ hội trăm phen thì đáp lời vô phương, đáp lời hỏi ngang dọc, đó

gọi là Pháp sư, người tu quán cũng giống như vậy. Quán hành nếu rõ ràng thì có thể trải qua duyên đối cảnh, xúc xứ đắc dụng, nếu không như vậy thì ma quân làm sao có thể phá được, bệnh nặng phiền não nhờ đâu mà trừ được, pháp tánh nghĩa lý sâu xa làm sao hiển bày, ba việc không phân biệt rõ ràng, bận rộn nhiều việc, chỉ là phàm phu sinh tử, chẳng phải phương tiện học đạo.